

BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Công văn số: /SNNMT ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
I	Chương I. Quy định chung	
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030. Điều 2. Đối tượng áp dụng Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.	Cơ sở đề xuất: Căn cứ quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và sự phù hợp với mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy của địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh
II	Chương II. Quy định cụ thể	
1	Mục I. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương	

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ 1. Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan. 2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. 3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ. 4. Phân bổ ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách và kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân ngân sách trung ương, địa phương trong giai đoạn 2021-2025 hoặc các năm trước liền kề.	Cơ sở đề xuất: - Bổ sung thêm Khoản 1 để đảm bảo tính chặt chẽ trong việc quy định nguyên tắc phân bổ vốn; - Các Khoản 2, 3, 4 căn cứ quy định tại Điều 3 của Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030
Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã	
1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã theo khoản này được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) và phân loại đơn vị xã, phường (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN) của tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng địa phương theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, phân loại đơn vị xã tương ứng của từng xã cụ thể như sau: a) Thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1; b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 50; c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40; d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30;	Cơ sở đề xuất: Cụ thể hóa quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Các mục a, b, c, d căn cứ theo Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg.
2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã	Cơ sở đề xuất: Cơ bản căn cứ, áp dụng theo phương pháp xác định mức phân bổ vốn do trung ương quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ . Tuy nhiên, căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rút gọn cách tính (công thức) mức phân bổ vốn cho các xã.

3. Căn cứ xác định số liệu: Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố tại Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 (trường hợp văn bản có sự điều chỉnh, thay thế, việc căn cứ xác định số liệu sẽ được tính theo văn bản điều chỉnh, thay thế đó);	Cơ sở đề xuất: Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030
Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành a) Nhiệm vụ của Chương trình các sở, ban, ngành được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt; b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật; c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình cấp tỉnh, quy mô liên xã, nhiệm vụ đặc thù; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các sở, ban, ngành; d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các sở, ban, ngành trong giai đoạn 2021-2025 hoặc các năm trước liền kề.	Cơ sở đề xuất: Cụ thể hóa quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Các mục a, b, c, d căn cứ theo Điều 5 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg.

	Điều 6. Định mức phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành tỉnh và các xã Căn cứ tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ: 1. Đối với vốn giao cho các sở, ban, ngành tỉnh: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung, dự án của Chương trình quy mô liên xã, nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh quốc gia và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác. 2. Đối với vốn giao cho các xã: giao HĐND cấp xã quyết định phân bổ chi tiết để thực hiện các nội dung, dự án trên địa bàn đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác.	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 6 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.
2	Mục 2. Quy định nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương	
	Điều 7. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý thực hiện và hỗ trợ các xã phường theo nguyên tắc: 1. Hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, 2031-2035; xã nông thôn mới hiện đại. 2. Hỗ trợ các xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn. 3. Hỗ trợ các phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.
	Điều 8. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình là 40% trên tổng mức ngân sách Trung ương hỗ trợ.	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với phương án đề xuất mức tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương là 40% trên tổng mức ngân sách của Trung ương hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào mức quy định dự kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 4341/BNNMT-VPĐP ngày 04/5/2026 (Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi kèm theo Công văn 4341/BNNMT-VPĐP).
III	Chương III. Điều khoản thi hành	

Điều 8. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Điều 9. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.	
---	--